

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/DS-ST
Ngày 05 ngày 8 năm 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Việt

Ông Hà Văn Sơ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2024/TLST-DS 27/5/2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Thanh H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Bản P, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H2 và chị Nguyễn Thị Như N. Địa chỉ: Bản P, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – chị Đinh Thị Thanh H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, năm 2021 bà có cho anh Nguyễn Văn H2 và chị Nguyễn Thị Như N, trú tại Bản P, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vay số tiền 100.000.000VNĐ tiền mặt, vay thời hạn 02 tháng. Khi vay có làm giấy vay tiền đề ngày 24/9/2021, có chữ ký của cả hai vợ chồng chị N và anh H2. Khi cho vay, hai bên không thỏa thuận lãi xuất cụ thể trong giấy vay tiền, nhưng có thỏa thuận miệng với nhau theo lãi xuất ngân hàng.

Đến hạn, chị N và anh H2 không thanh toán tiền theo thỏa thuận và hứa sẽ thu xếp trả sớm nhất cho chị.

Cuối năm 2021, chị N và anh H2 vay thêm 30.000.000VNĐ nhưng không làm giấy tờ. Sau nhiều lần yêu cầu thanh toán, ngày 17/01/2024, chị N đã làm giấy thống nhất sẽ trả 2.000.000VNĐ/tháng số tiền còn nợ gốc là 130.000.000VNĐ (Gồm 30.000.000VNĐ tiền vay thêm và 100.000.000VNĐ tiền vay ngày 24/9/2021). Tuy nhiên, từ khi viết giấy trả dần, chị N và anh H2 không thực hiện theo thỏa thuận.

Vì vậy, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

Đề nghị anh Nguyễn Văn H2 và chị Nguyễn Thị Như N pH thanh toán số tiền còn nợ theo giấy vay tiền ngày 17/01/2024, gồm nợ gốc là 130.000.000VNĐ và tiền lãi từ ngày 24/9/2021 đến nay theo lãi xuất của Ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị N trình bày như sau:

Ngày 24/9/2021, chị có vay của chị Đinh Thị Thanh H số tiền là 100.000.000VNĐ để làm ăn. Hai bên có làm giấy tờ vay tiền, không thỏa thuận lãi xuất trong giấy vay tiền. Tuy nhiên, thực tế chị H tính lãi xuất cao là 3.000VNĐ/1.000.000VNĐ/ngày. Thời hạn vay là 02 tháng.

Sau khi nhận đủ tiền vay, chị đã thanh toán tiền lãi cho chị H (không nhớ chính xác đến thời điểm trả, thanh toán qua chuyển khoản, sẽ cung cấp sao kê cho Tòa án sau). Đến ngày 17/01/2024, chị H đã chốt lại tiền lãi là 30.000.000VNĐ, yêu cầu chị pH ký giấy vay tiền thêm 30.000.000VNĐ.

Nay vợ chồng chị xác nhận còn nợ chị H số tiền là 130.000.000VNĐ. Đối với số tiền vay này, vợ chồng chị đã bàn bạc với chị H để thanh toán dần nhưng do làm ăn khó khăn nên chưa thanh toán. Chị đề nghị tiếp tục bàn bạc với chị H về việc này.

Đối với số tiền lãi, vợ chồng chị không chấp nhận thanh toán. Do trong giấy vay tiền không thỏa thuận lãi xuất nhưng chị H vẫn tính lãi xuất và đã chốt lại số tiền lãi vào tiền gốc là 130.000.000VNĐ.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn H2 trình bày như sau:

Anh là chồng của chị Nguyễn Thị Như N. Anh khẳng định không được tham gia vào việc vay tiền của chị H. Vợ anh có kể lại, chị N có vay tiền của chị H vào năm 2021 để làm ăn, tôi được biết qua vợ tôi kể. Chị Nguyễn Thị Như N là người trực tiếp trao đổi, nhận tiền và viết giấy vay với chị H với số tiền gốc vay tiền ban đầu là 100.000.000VNĐ theo giấy vay tiền năm 2021, số tiền là 30.000.000VNĐ là tiền lãi chị H cộng vào. Đối với số tiền vay này, vợ chồng anh đã bàn bạc với chị H để thanh toán dần do vợ chồng làm ăn khó khăn. Nay vợ chồng anh xác nhận còn nợ chị H số tiền là 130.000.000VNĐ và sẽ cố gắng thu xếp để thanh toán dần. Đối với yêu cầu tính lãi, vợ chồng anh không chấp nhận thanh toán. Do trong giấy vay tiền không thỏa thuận lãi xuất nhưng chị H vẫn tính lãi xuất và đã chốt lại số tiền lãi vào tiền gốc là 130.000.000VNĐ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên không thỏa thuận được thời hạn

và phương thức thanh toán. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Sau khi những người tham gia tố tụng P biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La P biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Thanh H. Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn H2, chị Nguyễn Thị Như N pH thanh toán cho chị Đinh Thị Thanh H số tiền nợ gốc là 130.000.000VNĐ và một phần tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị đơn pH chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị Đinh Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn H2 và chị Nguyễn Thị Như N pH thanh toán số tiền vay theo giấy biên nhận vay tiền mặt ngày 17/01/2024 nên Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về tham gia phiên tòa: Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã triệu tập các đương sự hợp lệ 02 lần nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không có đơn xin hoãn phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Đối với yêu cầu buộc bị đơn trả tiền nợ gốc: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp bản gốc biên nhận vay tiền mặt ngày 17/01/2024 có chữ ký của bên cho vay chị Đinh Thị Thanh H và bên vay chị Nguyễn Thị Như N. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh H2 và chị N thừa nhận có vay số tiền là 130.000.000VNĐ và xác nhận đây là khoản vay chung trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên do chưa có điều kiện thanh toán đúng hạn nên đề nghị được tiếp tục trả dần cho chị H theo thỏa thuận tại giấy vay tiền ngày 17/01/2024 là 2.000.000VNĐ một tháng. Chị H cho rằng anh H2 và chị N đã vi phạm thỏa thuận trên nên đề nghị Tòa án buộc anh H2 chị N pH thanh toán toàn bộ số tiền vay. Hội đồng xét xử xét thấy, giao dịch vay tài sản giữa chị Đinh Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn H2, chị Nguyễn Thị Như N thể hiện tại giấy biên nhận vay tiền mặt đề ngày 17/01/2024 là có thật, được các bên thừa nhận, nội dung của giao dịch là hợp pháp, do đó cần được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Việc bị đơn không thanh toán tiền nợ gốc, lãi P sinh là vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc anh Nguyễn Văn H2 và chị Nguyễn Thị Như N có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 130.000.000VNĐ.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn pH thanh toán số tiền lãi từ ngày 24/9/2021 đến thời điểm xét xử. Hội đồng xét xử thấy rằng: Giấy vay tiền ngày 24/9/2021 không thể hiện mức lãi xuất. Tại giấy vay tiền ngày 17/01/2024 thỏa thuận thanh toán dần tiền gốc mỗi tháng 2.000.000VNĐ bắt đầu từ tháng 02/2024, thời gian từ ngày 20-30 hàng tháng, không thể hiện tiền lãi. Căn cứ khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự, trường hợp *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”*. Như vậy, nguyên đơn chỉ được quyền yêu cầu tính lãi từ thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 29/02/2024, chị N có quyền yêu cầu lãi xuất từ ngày 01/3/2024 đến thời điểm xét xử (04 tháng 12 ngày). Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, mức lãi xuất là 50% mức lãi xuất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 0,83%/tháng. Do đó, chị N và anh H2 có nghĩa vụ thanh toán cho chị H tiền lãi là 6.042.000VNĐ.

[2.3] Từ những nhận định trên, cần buộc anh Nguyễn Văn H2 và chị Nguyễn Thị Như N pH trả cho chị Đinh Thị Thanh H số tiền gốc là 130.000.000VNĐ và tiền lãi là 6.042.000VNĐ. Tổng cộng là 136.042.000VNĐ.

[3] Về án phí: Do một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không pH chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bị đơn pH chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là **6.802.000VNĐ**.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Thanh H. Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn H2, chị Nguyễn Thị Như N pH thanh toán cho chị Đinh Thị Thanh H số tiền còn nợ theo giấy vay tiền ngày 17/01/2024 gồm nợ gốc là 130.000.000VNĐ, tiền lãi từ ngày 01/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.042.000VNĐ. Tổng cộng là 136.042.000VNĐ (*Một trăm ba mươi sáu triệu không trăm bốn mươi hai nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (chị Đinh Thị Thanh H) cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Văn H2, chị Nguyễn Thị Như N còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Đinh Thị Thanh H không pH chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, được trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 3.250.000VNĐ (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001346 ngày 27 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H2, chị Nguyễn Thị Như N pH chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là **6.802.000VNĐ** (*Sáu triệu tám trăm linh hai nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

